

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 42
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Thành viên
Bà Hoàng Thị Lan Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cán Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán Số: 0063-2013-002-1
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán Số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	6/30/2015	1/1/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		108,489,802,485	98,323,836,756
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3,762,321,727	13,399,903,889
111	1. Tiền		1,262,321,727	3,399,903,889
112	2. Các khoản tương đương tiền		2,500,000,000	10,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14,000,000,000	14,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14,000,000,000	14,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49,688,033,741	35,988,412,646
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	39,924,307,191	24,043,426,259
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		835,515,666	5,111,428,431
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	10,205,184,245	7,705,184,245
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	960,572,943	1,365,920,015
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,237,546,304)	(2,237,546,304)
140	IV. Hàng tồn kho	9	40,354,641,513	33,876,638,001
141	1. Hàng tồn kho		40,653,907,073	34,226,016,298
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(299,265,560)	(349,378,297)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		684,805,504	1,058,882,220
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	684,805,504	622,976,533
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	435,905,687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	6/30/2015	1/1/2015
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30,030,647,830	27,080,920,012
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1,030,000,000	1,110,000,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1,030,000,000	1,110,000,000
220	II. Tài sản cố định		3,819,284,113	1,681,770,189
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3,819,284,113	1,681,770,189
222	- Nguyên giá		5,812,973,455	3,349,010,273
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,993,689,342)	(1,667,240,084)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	13	2,620,500,000	2,620,500,000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2,620,500,000	2,620,500,000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	930,000,000	930,000,000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		930,000,000	930,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21,630,863,717	20,738,649,823
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	21,630,863,717	20,738,649,823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		138,520,450,315	125,404,756,768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	6/30/2015	1/1/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36,302,640,636	21,777,499,955
310	I. Nợ ngắn hạn		36,256,640,636	21,731,499,955
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	29,000,092,741	18,384,705,006
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7,583,730	10,905,132
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	997,277,165	382,892,107
314	4. Phải trả người lao động		2,545,485,635	1,864,841,035
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2,778,622,466	721,370,208
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	463,395,640	120,392,020
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		464,183,259	246,394,447
330	II. Nợ dài hạn		46,000,000	46,000,000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	46,000,000	46,000,000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		102,217,809,679	103,627,256,813
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	102,217,809,679	103,627,256,813
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102,194,840,000	102,194,840,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102,194,840,000	102,194,840,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(252,296,518)	(252,296,518)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(21,117,732,556)	(21,117,732,556)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		16,403,628,953	16,403,628,953
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4,989,369,800	6,398,816,934
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1,787,766,534	1,960,857,123
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3,201,603,266	4,437,959,811
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		138,520,450,315	125,404,756,768

Cần Hữu Hải
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	67,466,934,189	58,284,357,671
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	18,625,548
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch		67,466,934,189	58,265,732,123
11	4. Giá vốn hàng bán	20	49,502,599,927	46,276,506,607
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch		17,964,334,262	11,989,225,516
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,118,190,658	2,136,479,331
22	7. Chi phí tài chính		-	58,998,633
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	9,445,850,398	6,407,310,699
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4,810,559,156	3,327,393,617
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4,826,115,366	4,332,001,898
31	11. Thu nhập khác		20,912,341	200,778,927
32	12. Chi phí khác		7,440,077	-
40	13. Lợi nhuận khác		13,472,264	200,778,927
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4,839,587,630	4,532,780,825
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1,072,995,552	979,501,782
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3,766,592,078	3,553,279,043
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	490	400

Cần Hữu Hải
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
 (Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		40,884,739,881	34,337,257,511
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(34,948,482,156)	(50,064,615,147)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6,078,616,395)	(5,481,108,103)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14,083,980)	(314,999,349)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		372,057,664	1,517,900,542
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,464,520,022)	(2,013,935,069)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,248,905,008)	(22,019,499,615)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2,463,963,182)	(380,000,000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5,750,000,000)	(9,200,000,000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3,250,000,000	14,601,000,000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1,100,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,178,606,028	1,969,994,914
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3,785,357,154)	8,090,994,914
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(8,073,327,062)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4,603,320,000)	(6,611,847,200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4,603,320,000)	(14,685,174,262)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9,637,582,162)	(28,613,678,963)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13,399,903,889	38,540,613,011
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>3,762,321,727</u>	<u>9,926,934,048</u>

Cần Hữu Hải
Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là: 140 người (tại ngày 31/12/2014 là 124 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/04/2015, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Buôn bán sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng nhà, văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ: Tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường;
- Đối với những ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 33.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của các đơn vị nhận góp vốn tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra hoặc thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Máy móc thiết bị | 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí bán hàng được thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho và thời gian trên hợp đồng thuê. Trong trường hợp số phân bổ tính theo phương pháp phân bổ theo thời gian lớn hơn phương pháp phân bổ theo sản lượng thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá trị xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành, hợp đồng về việc thuê tài sản dài hạn diện tích văn phòng tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với thời hạn thuê là 44 năm được Công ty phân loại là hợp đồng thuê hoạt động, giá trị tiền thuê trả trước được Công ty theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh số 10) và thực hiện phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>6/30/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	340,679,732	335,859,045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	921,641,995	3,064,044,844
Các khoản tương đương tiền	2,500,000,000	10,000,000,000
	<u>3,762,321,727</u>	<u>13,399,903,889</u>

Tại ngày 30/06/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 2.500.000.000 VND được gửi tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) với lãi suất 4,2 %/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	6/30/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	14,000,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	14,000,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000
	14,000,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) với thời hạn 6 tháng từ ngày gửi tiền (Hợp đồng tự động gia hạn khi hết kỳ hạn), tổng giá trị là 14.000.000.000 VND với mức lãi suất 5,1%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	6/30/2015			1/1/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác	930,000,000	930,000,000	-	930,000,000	930,000,000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750,000,000	750,000,000	-	750,000,000	750,000,000	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	180,000,000	180,000,000	-	180,000,000	180,000,000	-
Tổng cộng	930,000,000	930,000,000	-	930,000,000	930,000,000	-

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5%	5%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	Cao Bằng	5%	5%	Mua bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	39,924,307,191	24,043,426,259
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6,287,051,989	774,991,280
- Các khoản phải thu khách hàng khác	33,637,255,202	23,268,434,979
	39,924,307,191	24,043,426,259

	Mối quan hệ	6/30/2015	1/1/2015
		VND	VND
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	490,983,051	246,879,716
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	19,811,040	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	82,655,854	122,848,494
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	151,095,874	40,949,685
- Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	350,104,838
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	114,823,580	164,823,580
- Công ty Cổ phần Mỹ Thuật Truyền Thông	Cùng Tập đoàn	155,710,788	329,794,998
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	93,382,800	255,407,500
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3,975,000	-
- Chi nhánh Nhà Xuất Bản Giáo dục tại Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	4,209,075	-
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	364,084,804
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6,287,051,989	774,991,280
		7,403,699,051	2,649,884,895

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	10,205,184,245	7,705,184,245
- Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay ^[1]	4,705,184,245	4,705,184,245
- Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay ^[2]	2,000,000,000	2,000,000,000
- Cho Công ty Cổ phần in và thương mại Trường An vay ^[3]	3,500,000,000	1,000,000,000
	10,205,184,245	7,705,184,245

^[1] Hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 và gia hạn tại phụ lục số 03-2015/PL-HDVV ngày 01/01/2015 với những nội dung như sau:

- Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND;
- Thời gian vay vốn: Tối đa 06 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng đến 31/12/2015;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh và đầu tư;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm tại thời điểm gia hạn; Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và theo phụ lục Hợp đồng;
- Tiền lãi vay: Tính trên cơ sở số tiền vay và thời gian vay thực tế;
- Thanh toán tiền gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[2] Hợp đồng vay vốn số 03/SGDHN ngày 24/04/2015 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 6 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 10,5%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

^[3] Hợp đồng vay vốn số 01TA/SGDHN ngày 02/01/2015 với những nội dung sau:

- Tổng số tiền cho vay: 3.500.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 10,5%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

7. PHẢI THU KHÁC

	6/30/2015		1/1/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	960,572,943	-	1,365,920,015	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	188,260,274	-	248,675,644	-
Ký cược, ký quỹ	145,216,425	-	331,549,225	-
Tạm ứng ngắn hạn	323,477,791	-	329,972,149	-
Phải thu khác	303,618,453	-	455,722,997	-
- <i>Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa^[1]</i>	200,000,000	-	200,000,000	-
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	103,618,453	-	255,722,997	-
b) Dài hạn	1,030,000,000	-	1,110,000,000	-
Ký cược, ký quỹ	80,000,000	-	160,000,000	-
Phải thu khác	950,000,000	-	950,000,000	-
- <i>Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư^[2]</i>	950,000,000	-	950,000,000	-
	1,990,572,943	-	2,475,920,015	-

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa” với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Lô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Diện tích lô đất là 4550 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình;
- Tổng vốn góp dự kiến: 220 tỷ VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 15%. Tại thời điểm 30/06/2015 phần vốn góp thực tế là 200.000.000 VND và Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

^[2]Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty đã thống nhất tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam với những nội dung sau:

- Thời gian hợp tác: 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng Nguyên tắc hợp tác đầu tư;
- Mục đích: Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Kết quả đầu tư là các sản phẩm, công việc hay khoản tiền thu được từ việc đầu tư, sử dụng quỹ đầu tư xuất bản. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Rủi ro được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên trong quỹ tại thời điểm chốt để phân chia rủi ro;

- Tổng vốn góp dự kiến chưa được quy định cụ thể. Tại thời điểm 30/06/2015 phần vốn góp thực tế là 950.000.000 VND.

8. NỢ XẤU

	6/30/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2,530,853,850	293,307,546	2,530,853,850	293,307,546
<i>Doanh nghiệp tư nhân Sách và Văn phòng phẩm Cuộc sống</i>	751,214,823	-	751,214,823	-
<i>Nhà sách Thành Nghĩa Thành phố Hồ Chí Minh</i>	1,014,242,690	293,307,546	1,014,242,690	293,307,546
<i>Các đối tượng khác</i>	765,396,337	-	765,396,337	-
	2,530,853,850	293,307,546	2,530,853,850	293,307,546

9. HÀNG TỒN KHO

	6/30/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	812,228,162	-	1,766,664,622	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8,939,910,212	-	17,148,415,065	-
Thành phẩm	17,393,931,146	(263,717,414)	9,004,480,100	(323,060,352)
Hàng hoá	2,344,638,486	(35,548,146)	733,545,321	(26,317,945)
Hàng gửi đi bán	11,163,199,067	-	5,572,911,190	-
	40,653,907,073	(299,265,560)	34,226,016,298	(349,378,297)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	684,805,504	622,976,533
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	622,976,533	622,976,533
- Chi phí trả trước khác	61,828,971	-
b) Dài hạn	21,630,863,717	20,738,649,823
- Chi phí bản thảo	2,462,576,156	4,246,391,806
- Chi phí thuê kho tại khu Công nghiệp Nam Thăng Long	2,982,954,548	3,187,500,002
- Chi phí thuê Cửa hàng 116 Cầu Diễn	391,090,911	151,090,911
- Chi phí thuê Văn phòng D2.1 Khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex ^[*]	10,716,300,761	10,842,128,165
- Chi phí thuê Cửa hàng Kim Liên	200,000,000	200,000,000
- Chi phí sửa chữa cửa hàng	1,267,422,000	1,259,551,266
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3,610,519,341	851,987,673
	22,315,669,221	21,361,626,356

^[1]Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (VINACONEX 1) và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội về việc thuê dài hạn diện tích văn phòng lô số D-2.1 (Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội). Với các nội dung sau:

- Thời hạn thuê: 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014;
- Tổng số tiền thuê: 11.962.650.000 VND (đã bao gồm VAT 10%);

Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền của hợp đồng nêu trên trong năm 2014.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	250,815,847	155,560,911	250,982,088	-	155,394,670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	435,905,687	-	1,072,995,552	14,083,980	-	623,005,885
Thuế thu nhập cá nhân	-	132,076,260	337,325,791	250,525,441	-	218,876,610
Các loại thuế khác	-	-	9,000,000	9,000,000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7,273,716	7,273,716	-	-
	435,905,687	382,892,107	1,582,155,970	531,865,225	-	997,277,165

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	2,934,265,600	414,744,673	3,349,010,273
- Mua trong kỳ	1,472,886,364	949,181,818	41,895,000	2,463,963,182
Số dư cuối kỳ	1,472,886,364	3,883,447,418	456,639,673	5,812,973,455
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1,440,934,531	226,305,553	1,667,240,084
- Khấu hao trong kỳ	87,671,807	215,676,437	23,101,014	326,449,258
Số dư cuối kỳ	87,671,807	1,656,610,968	249,406,567	1,993,689,342
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	1,493,331,069	188,439,120	1,681,770,189
Tại ngày cuối kỳ	1,385,214,557	2,226,836,450	207,233,106	3,819,284,113

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.494.154.545 VND.

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2,620,500,000	2,620,500,000
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[*]	2,620,500,000	2,620,500,000
	2,620,500,000	2,620,500,000

[*] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức vốn đầu tư của dự án;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND.
- Theo hợp đồng này đến thời điểm 01/01/2013, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.915.500.000 VND.

Theo Biên bản hợp ngày 08/04/2014 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án Kho Đông Anh để có Quyết định thu hồi đất của UBND huyện Đông Anh và Quyết định giao đất của UBND TP.Hà Nội; Giao cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội triển khai kí hợp đồng với công ty tư vấn để đẩy nhanh tiến độ dự án kho Đông Anh (yêu cầu có hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định). Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại TP.Hà Nội cam kết việc Công ty tư vấn sẽ có được Quyết định thu hồi đất của UBND huyện Đông Anh và Quyết định giao đất của UBND TP.Hà Nội, trường hợp Công ty tư vấn không hoàn thành thì Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội sẽ bồi hoàn toàn bộ số tiền trên cho các nhà đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty đã góp tổng số kinh phí để thực hiện dự án là 2.620.500.000 VND. Trong năm 2015, không có góp vốn bổ sung cho dự án này.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	6/30/2015		1/1/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	29,000,092,741	29,000,092,741	18,384,705,006	18,384,705,006
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	4,664,519,559	4,664,519,559	5,191,550,849	5,191,550,849
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	5,096,815,270	5,096,815,270	3,679,590,361	3,679,590,361
- Phải trả cho các đối tượng khác	19,238,757,912	19,238,757,912	9,513,563,796	9,513,563,796
	29,000,092,741	29,000,092,741	18,384,705,006	18,384,705,006

Mối quan hệ	6/30/2015		1/1/2015		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	6,443,281,299	6,416,853,737	5,396,348,130	5,396,348,130	
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1,752,334,178	1,752,334,178	204,797,281	204,797,281
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	4,664,519,559	4,664,519,559	5,191,550,849	5,191,550,849
- Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	26,427,562	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	285,736,615	285,736,615	384,866,615	384,866,615
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	327,600,475	327,600,475	-	-
- Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	1,058,355,037	1,058,355,037	502,612,760	502,612,760
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Cùng Tập đoàn	37,048,775	37,048,775	17,148,775	17,148,775
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	344,616,500	344,616,500	377,436,500	377,436,500
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	251,124,225	251,124,225	251,124,225	251,124,225
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	5,096,815,270	5,096,815,270	3,679,590,361	3,679,590,361
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1,372,404,910	1,372,404,910	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1,044,982,341	1,044,982,341	289,941,621	289,941,621
- Tạp chí Toán học & Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	27,235,814	27,235,814	26,413,004	26,413,004
- Tạp chí Văn học & Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	6,069,750	6,069,750	-	-
- Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng Tập đoàn	15,735,640	15,735,640	12,775,950	12,775,950
		16,311,006,651	16,284,579,089	10,938,257,941	10,938,257,941

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	2,778,622,466	721,370,208
<i>Trích trước chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới</i>	<i>313,469,598</i>	<i>452,158,548</i>
<i>Trích trước chi phí bán thảo và phí phát hành</i>	<i>321,854,584</i>	<i>44,385,200</i>
<i>Trích trước chi phí thầu, nhuận bút sách liên kết</i>	<i>1,619,394,944</i>	<i>70,451,900</i>
<i>Trích trước phí quản lý xuất bản</i>	<i>523,903,340</i>	<i>154,374,560</i>
	2,778,622,466	721,370,208

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	463,395,640	120,392,020
Kinh phí công đoàn	27,271,100	56,457,870
Bảo hiểm xã hội	40,472,446	-
Bảo hiểm y tế	8,145,514	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3,487,030	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	384,019,550	63,934,150
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>31,524,000</i>	<i>23,793,600</i>
- <i>Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội</i>	<i>295,620,000</i>	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>56,875,550</i>	<i>40,140,550</i>
b) Dài hạn	46,000,000	46,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	46,000,000	46,000,000
	509,395,640	166,392,020

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	102,194,840,000	(252,296,518)	(5,822,132,335)	16,403,628,953	8,728,895,712	121,252,935,812
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	3,553,279,043	3,553,279,043
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6,828,067,200)	(6,828,067,200)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8,073,327,062)	-	-	(8,073,327,062)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(355,327,904)	(355,327,904)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(177,663,952)	(177,663,952)
Số dư cuối kỳ trước	102,194,840,000	(252,296,518)	(13,895,459,397)	16,403,628,953	4,921,115,699	109,371,828,737
Số dư đầu năm nay	102,194,840,000	(252,296,518)	(21,117,732,556)	16,403,628,953	6,398,816,934	103,627,256,813
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3,766,592,078	3,766,592,078
Trả cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(4,611,050,400)	(4,611,050,400)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(564,988,812)	(564,988,812)
Số dư cuối kỳ này	102,194,840,000	(252,296,518)	(21,117,732,556)	16,403,628,953	4,989,369,800	102,217,809,679

^[1]Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/HĐQT-SGDHN ngày 05/05/2015, Công ty thực hiện thanh toán cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 6%/cổ phần bằng tiền mặt số tiền là: 4.611.050.400 VND.

Căn cứ theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 27/SGDHN ngày 10/02/2015, Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận kỳ này như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		3,766,592,078
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	564,988,812

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	6/30/2015	Tỷ lệ	1/1/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	5,928,000,000	5.80%	5,928,000,000	5.80%
Vốn góp của cổ đông khác	70,922,840,000	69.40%	70,922,840,000	69.40%
- Ông Peter Eric Dennis	5,207,000,000	5.10%	5,207,000,000	5.10%
- Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	7,650,000,000	7.49%	7,650,000,000	7.49%
- Các đối tượng khác	58,065,840,000	56.82%	58,065,840,000	56.82%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	25,344,000,000	24.80%	25,344,000,000	24.80%
Cộng	102,194,840,000	100%	102,194,840,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102,194,840,000	102,194,840,000
- Vốn góp đầu năm	102,194,840,000	102,194,840,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	102,194,840,000	102,194,840,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4,611,050,400	6,828,067,200
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4,611,050,400	6,828,067,200

d) Cổ phiếu

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,219,484	10,219,484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,219,484	10,219,484
- Cổ phiếu phổ thông	10,219,484	10,219,484
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2,534,400	2,534,400
- Cổ phiếu phổ thông	2,534,400	2,534,400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7,685,084	7,685,084
- Cổ phiếu phổ thông	7,685,084	7,685,084

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của công ty

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
- Quỹ dự phòng tài chính	16,403,628,953	16,403,628,953
	16,403,628,953	16,403,628,953

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:	19,508,559,095	13,239,439,073
- Từ 1 năm trở xuống	2,750,907,645	2,397,310,908
- Từ 1 năm đến 5 năm	6,357,445,730	1,256,031,149
- Trên 5 năm	10,400,205,720	9,586,097,016

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	67,434,206,917	58,251,630,399
- Doanh thu bán Sách Giáo khoa	1,287,412,545	588,429,820
- Doanh thu bán Sách Tham khảo	44,144,350,675	37,932,237,373
- Doanh thu bán Sách Bổ trợ	8,659,812,703	11,054,020,636
- Doanh thu bán Thiết bị giáo dục	629,272,273	2,640,298,636
- Doanh thu bán vật tư	2,780,138,993	1,412,168,308
- Doanh thu bán Văn phòng phẩm, khác	9,831,529,577	4,624,475,626
- Doanh thu bán Vỡ tự in	101,690,151	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32,727,272	32,727,272
- Doanh thu dịch vụ cho thuê đặt máy ATM	32,727,272	32,727,272
	67,466,934,189	58,284,357,671

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	81,569,230	154,500,896
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị học Hà Tĩnh	Trường Cùng Tập đoàn	19,755,040	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị học Hòa Bình	Trường Cùng Tập đoàn	82,655,360	119,520,200
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị học Hòa Bình	Trường Cùng Tập đoàn	151,092,053	227,127,820
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản dục Hà Nội	Giáo Cùng Tập đoàn	62,970,840	263,527,200
- Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh dục	Giáo Cùng Tập đoàn	-	569,365,236
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị dục Miền Bắc	Giáo Cùng Tập đoàn	266,532,060	172,498,010
- Công ty Cổ phần Mỹ Thuật Truyền Cùng Tập đoàn	Giáo Cùng Tập đoàn	75,915,790	264,092,320
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị dục Miền Nam	Giáo Cùng Tập đoàn	87,975,300	259,666,400
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị dục Miền Trung	Giáo Cùng Tập đoàn	3,975,000	-
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	16,639,890	-
- Chi nhánh Nhà Xuất Bản Giáo dục tại Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	4,209,075	9,150,698
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	4,032,408,400	3,747,345,900
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1,326,597,710	788,888,270
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dục Đà Nẵng	Giáo Cùng Tập đoàn	285,110,280	604,650,280
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dục Hà Nội	Giáo Cùng Tập đoàn	8,957,064,423	8,828,136,766
		15,454,470,451	16,008,469,996

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	49,502,599,927	46,276,506,607
- Giá vốn bán Sách Giáo khoa	1,053,727,657	375,747,951
- Giá vốn bán Sách Tham khảo	30,935,049,459	30,459,879,082
- Giá vốn bán Sách Bổ trợ	7,106,849,006	7,569,533,242
- Giá vốn bán Thiết bị giáo dục	594,114,000	2,561,131,000
- Giá vốn bán vật tư	2,662,129,593	1,394,111,715
- Giá vốn bán Văn phòng phẩm, khác	7,076,465,463	3,916,103,617
- Giá vốn bán Vỡ tự in	74,264,749	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50,112,737)	-
	49,502,599,927	46,276,506,607

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	995,690,658	1,817,288,950
Lãi từ ủy thác đầu tư	-	196,690,381
Cổ tức, lợi nhuận được chia	122,500,000	122,500,000
	1,118,190,658	2,136,479,331

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	5,222,181,811	2,448,214,117
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29,812,107	37,968,414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,951,286,429	472,966,053
Chi phí khác bằng tiền	2,242,570,051	3,448,162,115
	9,445,850,398	6,407,310,699

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	1,809,745,869	1,294,999,041
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	329,121,166	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	296,637,151	40,578,180
Thuế, phí và lệ phí	12,000,000	7,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	351,225,701	272,568,701
Chi phí khác bằng tiền	2,011,829,269	1,712,247,695
	4,810,559,156	3,327,393,617

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4,839,587,630	4,532,780,825
Các khoản điều chỉnh tăng	152,183,980	42,000,000
Các khoản điều chỉnh giảm	(122,500,000)	(122,500,000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4,869,271,610	4,452,280,825
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 22%)	1,071,239,754	979,501,782
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1,755,798	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(435,905,687)	293,334,987
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(14,083,980)	(314,999,349)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính	623,005,885	957,837,420
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	623,005,885	957,837,420

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3,766,592,078	3,553,279,043
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3,766,592,078	3,553,279,043
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7,685,084	8,892,494
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	490	400

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12,462,908,753	12,398,870,686
Chi phí nhân công	7,031,927,680	3,743,213,158
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	329,121,166	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	326,449,258	78,546,594
Thuế, phí và lệ phí	12,000,000	7,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19,737,573,622	15,719,057,231
Chi phí khác bằng tiền	4,254,399,320	5,160,409,810
	44,154,379,799	37,107,097,479

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	6/30/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,762,321,727	-	13,399,903,889	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41,914,880,134	(2,237,546,304)	26,519,346,274	(2,237,546,304)
Các khoản cho vay	10,205,184,245	-	7,705,184,245	-
Đầu tư ngắn hạn	14,000,000,000	-	14,000,000,000	-
Đầu tư dài hạn	930,000,000	-	930,000,000	-
	70,812,386,106	(2,237,546,304)	62,554,434,408	(2,237,546,304)

	Giá trị sổ kế toán	
	6/30/2015 VND	1/1/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	29,509,488,381	18,551,097,026
Chi phí phải trả	2,778,622,466	721,370,208
	32,288,110,847	19,272,467,234

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,762,321,727	-	-	3,762,321,727
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38,647,333,830	1,030,000,000	-	39,677,333,830
Các khoản cho vay	10,205,184,245	-	-	10,205,184,245
Đầu tư ngắn hạn	14,000,000,000	-	-	14,000,000,000
Đầu tư dài hạn	930,000,000	-	-	930,000,000
Cộng	67,544,839,802	1,030,000,000	-	68,574,839,802
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,399,903,889	-	-	13,399,903,889
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23,171,799,970	1,110,000,000	-	24,281,799,970
Các khoản cho vay	7,705,184,245	-	-	7,705,184,245
Đầu tư ngắn hạn	14,000,000,000	-	-	14,000,000,000
Đầu tư dài hạn	930,000,000	-	-	930,000,000
Cộng	59,206,888,104	1,110,000,000	-	60,316,888,104

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	29,463,488,381	46,000,000	-	29,509,488,381
Chi phí phải trả	2,778,622,466	-	-	2,778,622,466
	32,242,110,847	46,000,000	-	32,288,110,847
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	18,505,097,026	46,000,000	-	18,551,097,026
Chi phí phải trả	721,370,208	-	-	721,370,208
	19,226,467,234	46,000,000	-	19,272,467,234

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TI

Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	6/30/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	165,509,428	351,415,168

29. THÔNG TIN KHÁC

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/HĐQT-SGDHN ngày 25/04/2015 thông qua phương án thưởng cổ phiếu quỹ cho người lao động nhằm mục đích giữ và thu hút lao động có trình độ cao với nội dung sau: Tổng số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho cán bộ công nhân viên: 384.000 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá: 3.840.000.000 VND, thời gian dự kiến phát hành: Quý 2/2015 hoặc một thời điểm khác được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận, nguồn thực hiện là Quỹ đầu tư phát triển. Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty chưa triển khai phương án trên.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Mua hàng hóa			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	1,267,500	845,000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	148,500,000	165,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	394,452,550	44,337,050
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	294,829,368	134,410,842
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1,194,132,535	603,614,679
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	727,170,000	8,418,240
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	7,589,107,660	6,591,348,650
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3,017,445,549	306,194,947
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1,240,151,000	632,471,655
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1,679,724,874	869,597,945
Tạp chí Toán học & tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	20,822,810	20,354,974
Tạp chí Văn học & tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	6,069,750	5,783,500
Tạp chí Toán tuổi thơ	Cùng Tập đoàn	15,735,640	20,991,210
Công ty Cổ phần Sách dịch và từ điển Giáo dục	Cùng Tập đoàn	38,000,000	723,334
Chi phí bản thảo, biên tập, phí thảo, quản lý xuất bản			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2,101,925,812	1,890,632,643
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	403,774,500	1,108,386,500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	17,180,000	74,220,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	62,970,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Gia Định	Cùng Tập đoàn	17,180,000	74,220,000
Cổ tức nhận được			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	112,500,000	112,500,000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	856,295,889	971,496,875

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	21,705,184,245	123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14,000,000,000	(21,705,184,245)
131	1. Phải thu khách hàng	24,043,426,259	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24,043,426,259	-
132	2. Trả trước cho người bán	5,111,428,431	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5,111,428,431	-
135	5. Các khoản phải thu khác	704,398,641	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7,705,184,245	7,705,184,245
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2,237,546,304)	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1,365,920,015	661,521,374
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	435,905,687	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2,237,546,304)	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	661,521,374	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	435,905,687	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	950,000,000	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(661,521,374)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,620,500,000	216	6. Phải thu dài hạn khác	1,110,000,000	160,000,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	930,000,000	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,620,500,000	(2,620,500,000)
268	3. Tài sản dài hạn khác	160,000,000	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	930,000,000	-
			268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(160,000,000)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

312	2. Phải trả người bán	18,384,705,006
313	3. Người mua trả tiền trước	10,905,132
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	382,892,107
315	5. Phải trả người lao động	1,864,841,035
316	6. Chi phí phải trả	721,370,208
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	120,392,020
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	246,394,447
333	3. Phải trả dài hạn khác	46,000,000
414	4. Cổ phiếu quỹ	(21,117,732,556)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	14,778,425,126
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	1,625,203,827
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,398,816,934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	18,384,705,006	-
312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10,905,132	-
313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	382,892,107	-
314	5. Phải trả người lao động	1,864,841,035	-
315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	721,370,208	-
319	10. Phải trả ngắn hạn khác	120,392,020	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	246,394,447	-
337	6. Phải trả dài hạn khác	46,000,000	-
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	102,194,840,000	102,194,840,000
415	5. Cổ phiếu quỹ	(21,117,732,556)	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	16,403,628,953	1,625,203,827
			(1,625,203,827)
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,398,816,934	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	1,960,857,123	1,960,857,123
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	4,437,959,811	4,437,959,811

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương

Người lập